TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Bà Phan Thị Liền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Hảo –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Anh T, sinh năm: 1964; Cư trú tại: ấp B Du A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "có mặt".

Bị đơn: Phan Thị Ph, sinh năm 1965; Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2018, tại bản tự khai ngày 28/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn là ông Lê Anh T trình bày: Ông và bà Phan Thị Ph tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 10/2002, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả nhau, ông T và bà Ph sống ly thân từ tháng 3/2010. Nay ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa ông và bà Ph không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà

Ph có 01 đứa con chung tên Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003, nay ông T yêu cầu giao con chung cho bà Ph nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung bị đơn là bà Phan Thị Ph trình bày: Bà Ph không đồng ý theo yêu cầu của ông T vì bà còn thương chồng; Về con chung: Bà Ph thống nhất nuôi con chung giữa bà và ông T là Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà Ph không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia Tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003 cho bà Ph nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

Bà Phan Thị Ph là bị đơn trong vụ án, bà Ph đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân*: Ông Lê Anh T và bà Phan Thị Ph có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 10/2002 trên tinh thần tự nguyện của ông bà, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, kéo dài đến tháng 3/2010 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa ông và bà Ph không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/2002, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng ông T và bà Ph không đăng ký kết hôn theo quy định

tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa ông và bà Ph không phải vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận ông T và bà Ph là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông T và bà Ph có có 01 đứa con chung tên Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003. Tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu giao con cho bà Ph nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thì bị đơn là bà Phan Thị Ph cũng thống nhất là nuôi con là Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003 cho đến khi thành niên. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tiến A. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003 cho bà Ph nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà Ph không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông T, không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T và bà Ph không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Bà Ph không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Lê Anh T và bà Phan Thị Ph là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tiến A, sinh ngày 14/9/2003 cho bà Phan Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tiến A thành niên. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông T, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Ph không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí, Tòa án số 0000594 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông T đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình; Bà Phan Thị Ph không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông T biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Phan Thị Ph không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã An Thạnh 2;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên